

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/9/2018.
*V/v tranh chấp: Ly hôn, giao nuôi
con chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng và ông Phạm Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Lượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại trụ Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2018/TLST-HN&GD ngày 14 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị L (Lò Thị H), năm sinh: 1989.

Địa chỉ: Bản P, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Lò Văn Y, năm sinh: 1975.

Địa chỉ: Bản V, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Hiện đang cải tạo tại Đội 53, phân trại 1, Trại giam N - Tổng cục VIII - Bộ công an (Bị đơn vắng mặt, có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26 tháng 02 năm 2018, bản tự khai, phiên hòa giải và phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lò Thị L (Lò Thị H) trình bày:

Về hôn nhân: Chị (Lò Thị L, Lò Thị H) và anh Lò Văn Y đăng ký kết hôn ngày 26/5/2010 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Hai vợ chồng kết hôn tự nguyện. Hai anh chị sống hạnh phúc được hai năm đầu kể từ khi kết hôn. Sau đó do anh Y nghiện ma túy, vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 trước thời gian anh Y đi chấp hành án đến nay. Hiện nay anh Y đang chấp hành án phạt tù tại: Đội 53, phân trại 1, Trại giam N. Địa chỉ: Xã N, Huyện Đ, Tỉnh Điện Biên. Trong thời gian sống

ly thân chị L (H) không còn sự quan tâm, chăm sóc đối với anh Y. Khi anh Y đi chấp hành án tôi cũng không thăm thân vì chị L (H) thấy tình cảm đối với anh Y không còn. Đến nay chị L (H) không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc này nữa, nên chị L (H) giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Lò Văn Y. Yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Lò Thị L (Lò Thị H) được ly hôn với anh Lò Văn Y.

Về con chung: Chị L (H) và anh Y có 01 con chung: Họ và tên: Lò Văn T, sinh ngày 04/01/2011. Hiện nay cháu T đang ở cùng chị Lò Thị L, tại Bản P, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Khi ly hôn chị Lò Thị L (Lò Thị H) nhận trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Văn T đến khi cháu T đủ 18 tuổi và chưa yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện tại anh Y đang chấp hành hình phạt tù không có khả năng cấp dưỡng. Yêu cầu Tòa án giải quyết việc giao nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Kể từ khi kết hôn không tạo lập được tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải, lấy lời khai của anh Lò Văn Y, anh Yếu trình bày: Anh Lò Văn Y và chị Lò Thị L (Lò Thị H) có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Tuần Giáo. Từ khi kết hôn hai anh chị sống hạnh phúc, sau đó chị L có yêu cầu giải quyết ly hôn vào năm 2016 nhưng anh Y không nhất trí. Sau khi hòa giải ở bản vào tháng 4/2016 thì chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị L sinh sống cho đến nay. Đến nay chị L xin ly hôn anh Y không đồng ý ly hôn vì anh cho rằng hiện tại anh đang chấp hành án, khi nào chấp hành án xong về địa phương anh sẽ thống nhất việc ly hôn. Còn về con chung, anh đồng ý giao cháu Lò Văn T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, do anh đang chấp hành án nên chưa có điều kiện cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Không có kiến nghị về vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm; căn cứ vào Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật HNGĐ năm 2014 về hướng giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình khởi kiện “Xin ly hôn, giao nuôi con chung” giữa nguyên đơn chị Lò Thị L (Lò Thị H) với anh Lò Văn Y. Sau khi nghiên cứu hồ sơ và tại phiên tòa đưa ra đề nghị như sau: Về hôn nhân: Xét thấy chị Lò Thị L (Lò Thị H) không còn tình cảm với anh Y, hai anh chị đã sống ly thân từ năm 2016, xét thấy hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị L (H). Về con chung: Đề nghị giao cháu Lò Văn T; sinh ngày 04/01/2011 cho chị Lò Thị L (Lò Thị H) trực tiếp nuôi dưỡng; vì hiện tại anh Y đang chấp hành án nên không có đủ điều kiện nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Đề nghị căn cứ vào quy định tại Điều 147 BLTTDS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xem xét miễn án phí ly hôn cho chị Lò Thị L (Lò Thị H).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện ly hôn, giao nuôi con chung của chị Lò Thị L (Lò Thị H) và anh Lò Văn Y thì được xác định là vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị Lò Thị L (Lò Thị H) nộp đơn khởi kiện ly hôn, anh Lò Văn Y có nơi đăng ký hộ khẩu tại bản V, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ thông báo thụ lý vụ án. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Lò Văn Y, xét thấy sự vắng mặt có lý do không gây cản trở cho việc xét xử mà vẫn đảm bảo được đầy đủ quyền lợi cho anh Y. Do đó HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[1.2] Về Hôn nhân: Chị Lò Thị L (Lò Thị H) và anh Lò Văn Y kết hôn với nhau ngày 26/5/2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Vậy có thể xác định cuộc hôn nhân của chị Lò Thị L (Lò Thị H) và anh Lò Văn Y là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. Cuộc sống hôn nhân của anh chị hạnh phúc được những năm đầu sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Y không làm chủ được bản thân nên đã mắc phải tệ nạn nghiện ma túy, đến năm 2017 anh Y có hành vi vi phạm pháp luật nên đã bị xử phạt tù và đang chấp hành án tại Đội 53, phân trại 1, Trại giam N. Kể từ ngày sống ly thân và trong thời gian anh Y đi chấp hành án; chị L (H) cũng không còn sự quan tâm, chăm sóc, hỏi thăm đối với anh Y. Trong quá trình Tòa án giải quyết đã tiến hành hòa giải để hai anh chị đoàn tụ nhưng chị L (H) cương quyết xin ly hôn vì chị cho rằng chị không còn tình cảm với anh Y. Bởi vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng; thực tế hai anh chị đã sống ly thân kể từ tháng 4/2016 dẫn đến tình cảm của chị L đối với anh Y không còn, giữa vợ chồng thiếu sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị L (Lò Thị H), cho chị Lò Thị L (Lò Thị H) ly hôn với anh Lò Văn Y.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị Lò Thị L (Lò Thị H) và anh Lò Văn Y thì thấy: Chị L (H) nhận trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Văn T; sinh ngày 04/01/2011 cho đến khi cháu T đủ 18

tuổi, chưa yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con chung và có sự nhất trí giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi con của anh Lò Văn Y; đồng thời, cháu Lò Văn T cũng có nguyện vọng được sống chung với chị L (H). Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, với điều kiện hoàn cảnh của chị Lò Thị L (Lò Thị H và anh Lò Văn Y thì việc đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu nhận nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung của chị Lò Thị L (Lò Thị H) để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt cũng như học tập của cháu Lò Văn T.

[3.2] Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4.2] Về nợ chung: Không có nợ chung, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.2] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Lò Thị L (Lò Thị H) đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.
- Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị L (Lò Thị H).
2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L (Lò Thị H) được ly hôn với anh Lò Văn Y.
3. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị L (Lò Thị H) trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Văn T; sinh ngày 04/01/2011 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; anh Lò Văn Y chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lò Văn Y có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh Y thực hiện quyền này.

4. Về án phí: Chị Lò Thị L (Lò Thị H) được miễn án phí ly hôn.

Chị Lò Thị L (Lò Thị H) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/9/2018); anh Lò Văn Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- UBND xã C;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga